

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI CHI ANH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI CHI ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHI ANH CONSTRUCTIONAL INVESTMENT AND COMMERCIAL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CHI ANH CIC CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108019616

3. Ngày thành lập: 12/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 38, Phố Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
2.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
3.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
4.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
10.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
11.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
12.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

13.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ trang sức bằng vàng, bạc, đá quý và đá bán quý; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
14.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
15.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
17.	Cho thuê xe có động cơ	7710
18.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
19.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
20.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
23.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
25.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
26.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
27.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
28.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
31.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
32.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
33.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
34.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
35.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm đấu giá ô tô và xe có động cơ khác)	4513
36.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
38.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542

39.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
40.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
41.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
42.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
43.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
44.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
45.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
46.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
47.	Chăn nuôi lợn	0145
48.	Chăn nuôi gia cầm	0146
49.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
50.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
51.	Sản xuất giống thủy sản	0323
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
54.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
58.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
63.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm; Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
65.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
67.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
68.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất sản phẩm phần mềm	5820
69.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

70.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ định giá bất động sản.	6820
71.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
72.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
73.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
74.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
75.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
76.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
77.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
78.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
79.	Trồng cây ăn quả	0121
80.	Chăn nuôi khác	0149
81.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
82.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
83.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
84.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
85.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
86.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
87.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
88.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
89.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
90.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
91.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
92.	Thu gom rác thải độc hại	3812
93.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
94.	Tái chế phế liệu	3830
95.	Xây dựng nhà các loại	4100
96.	Xây dựng công trình công ích	4220
97.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
98.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730

100.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
101.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
102.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
103.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
104.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
105.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
106.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
107.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
108.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
109.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
110.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
111.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
112.	Trồng cây hàng năm khác	0119
113.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
114.	Khai thác gỗ	0221
115.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
116.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
117.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
118.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
119.	Phá dỡ	4311
120.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm đấu giá mô tô, xe máy)	4541
121.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
122.	Bán buôn đồ uống	4633(Chính)
123.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
124.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
125.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
126.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
127.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
128.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
129.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
130.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781

131.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
132.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá ngoài cửa hàng bán lẻ)	4799
133.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
134.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
135.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
136.	Trồng lúa	0111
137.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
138.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
139.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
140.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311

6. Vốn điều lệ: 5.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀO ĐÌNH ĐỨC	Khu phố Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.500.000.000	27,300	011684303	
2	ĐÀO ĐÌNH ĐẠT	Xóm Thổ, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	72,700	012993388	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐÀO ĐÌNH ĐẠT

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012993388

Ngày cấp: 25/03/2014

Nơi cấp: CA TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Thố, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 204, Phố Vân Trì, Xã Vân Nội, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội